

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 63 /SAVINA/CV/2025

-----o0o-----

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Sách Việt Nam thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 3 năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Sách Việt Nam:

- Mã chứng khoán: VNB
- Địa chỉ: Số 44 Tràng Tiền, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: (024) 3.9348790 Fax: (024) 3.9341591
- Email:
- Website: <https://www.savina.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Quý 3/ năm 2025

- ☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- ☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
- ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

- ☐ Có
- ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- ☐ Có
- ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

- ☐ Có
- ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- ☐ Có
- ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

- ☒ Có
- ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- ☒ Có
- ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:



☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/10/2025 tại đường dẫn: <https://savina.com.vn/bao-cao-tai-chinh>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Quý 3/25

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Lê Phương



CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **64**/SAVINA/CV/2025

V/v: Giải trình chênh lệch BCTC Quý 3 năm 2025

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2025

Kính gửi:

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Sách Việt Nam
- Mã chứng khoán : VNB
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 44 Tràng Tiền, Phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
- Điện thoại: (024) 3.9348790 Fax: (024) 3.9341591
- Người thực hiện công bố thông tin: Trần Lê Phương
- Loại thông tin công bố: Định kỳ
- Nội dung của thông tin công bố:

- Giải trình chênh lệch Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước: Xem Bản giải trình biến động Kết quả Kinh doanh Báo cáo Tài chính Quý 3/2025 dưới đây:

Mã số	Chỉ tiêu	Quý 3 năm 2025	Quý 3 năm 2024	Chênh lệch	Tỷ lệ %
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.797.459.504	8.427.683.893	(1.630.224.389)	-19%
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu				
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	6.797.459.504	8.427.683.893	(1.630.224.389)	-19%
11	4. Giá vốn hàng bán	3.391.597.140	4.855.459.931	(1.463.862.791)	-30%
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	3.405.862.364	3.572.223.962	(166.361.598)	-5%
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	31.560.078.133	27.706.286.882	3.853.791.251	14%
22	7. Chi phí tài chính		4.720.050	(4.720.050)	-100%
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay				
25	8. Chi phí bán hàng	1.339.127.568	1.324.462.505	14.665.063	1%
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.805.484.474	5.057.509.417	747.975.057	15%
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	27.821.328.455	24.891.818.872	2.929.509.583	12%
31	11. Thu nhập khác	45.888.059	25.885.719	20.002.340	77%
32	12. Chi phí khác				
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	45.888.059	25.885.719	20.002.340	77%
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	27.867.216.514	24.917.704.591	2.949.511.923	12%
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.589.248.593	4.999.733.914	589.514.679	12%
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	22.277.967.921	19.917.970.677	2.359.997.244	12%

Giải trình nguyên nhân biến động trong trường hợp KQKD giữa hai kỳ báo cáo biến động từ 10% trở lên:

Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế Quý 3 năm 2025 là: 22.278 triệu đồng, tăng 12% so với cùng kỳ năm 2024. Nguyên nhân do:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 1.630 triệu đồng, giá vốn giảm 1.464 triệu đồng nên lợi nhuận gộp giảm 166 triệu đồng, tương đương giảm 5%.
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 3.854 triệu đồng, tương đương tăng 14%. Do tăng khoản cho vay, nguồn tiền từ lãi cho vay các năm trước quay về, cho vay tiếp.
- Chi phí tài chính giảm 4,7 triệu đồng, tương đương giảm 100%. Do không phát sinh chênh lệch tỷ giá thanh toán tiền ngoại tệ ra nước ngoài.
- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 762,6 triệu đồng, tương đương tăng 12%. Do phân loại lại giá vốn hàng bán mảng kinh doanh cho thuê sang chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Chi phí thuế TNDN tăng 589,5 triệu đồng, tương đương tăng 12%. Do doanh thu tài chính tăng, tỷ lệ thuế tăng tương ứng.

8. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ BCTC: <http://www.savina.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết toàn bộ thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
NGƯỜI ĐƯỢC ỦCBBT**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Lê Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM

Báo cáo tài chính

Quý 3 năm 2025



MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	2
Báo cáo của Ban giám đốc	3
Bảng cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6 - 7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 25

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100109829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 27 tháng 04 năm 2016; thay đổi lần thứ 4 vào ngày 19 tháng 07 năm 2023.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của công ty là kinh doanh sách và văn hóa phẩm, cho thuê văn phòng.

Công ty có trụ sở chính tại: Số 44, phố Tràng Tiền, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Thăng Long	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Thành viên
Bà Trần Thanh Mai	Thành viên
Ông Vũ Quyết Thắng	Thành viên
Ông Trần Lê Phương	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Bà Nguyễn Hồng Mai	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo như sau:

Ông Trần Lê Phương	Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 14/07/2023
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 18/06/2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty vào ngày lập báo cáo này là ông Trần Lê Phương.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn tài chính 09 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 09 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Trần Lê Phương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 10 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 30 tháng 09 năm 2025

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 09 năm 2025	Ngày 01 tháng 01 năm 2025
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		170.098.564.309	138.023.073.339
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	15.941.994.825	2.798.764.488
111	1. Tiền		5.441.994.825	2.798.764.488
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.500.000.000	
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2.1	78.500.000.000	111.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		78.500.000.000	111.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	V.3	65.755.494.754	14.395.416.348
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3.1	2.356.971.407	1.674.702.150
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3.2	47.921.905	6.856.255
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.3.3		10.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.3.4	63.350.601.442	2.713.857.943
137	5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi			
140	IV. Hàng tồn kho	V.4	9.901.074.730	9.328.892.503
141	1. Hàng tồn kho		11.887.567.234	11.315.385.007
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.986.492.504)	(1.986.492.504)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác			
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.028.267.908.270	992.691.605.443
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	V.5	1.008.135.000.000	971.736.534.243
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	V.5.1	1.008.000.000.000	927.000.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.5.2	135.000.000	44.736.534.243
220	II. Tài sản cố định	V.6	3.007.925.794	3.247.495.102
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.6.1	3.007.925.794	3.247.495.102
222	- Nguyên giá		18.236.069.546	18.236.069.546
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(15.228.143.752)	(14.988.574.444)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.6.2		
228	- Nguyên giá		231.467.000	231.467.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(231.467.000)	(231.467.000)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.7	6.440.621.800	6.953.591.677
231	- Nguyên giá		33.453.922.441	33.453.922.441
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(27.013.300.641)	(26.500.330.764)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	V.8	6.000.000.000	6.000.000.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		6.000.000.000	6.000.000.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.2.2	4.322.500.000	4.322.500.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		4.322.500.000	4.322.500.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác	V.9	361.860.676	431.484.421
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		361.860.676	431.484.421
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		1.198.366.472.579	1.130.714.678.782

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 09 năm 2025

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 09 năm 2025	Ngày 01 tháng 01 năm 2025
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		31.783.989.987	28.399.229.318
310	I. Nợ ngắn hạn	V.10	30.986.989.987	27.799.229.318
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.10.1	4.589.913.778	5.795.977.970
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.10.2	26.943.365	39.535.725
313	3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	V.10.3	16.860.476.012	19.294.482.261
314	4. Phải trả người lao động			769.721.410
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.10.4	7.784.923.272	289.333.334
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.10.5	1.347.149.924	1.104.028.618
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.10.6	377.583.636	506.150.000
330	II. Nợ dài hạn	V.11	797.000.000	600.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác		797.000.000	600.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.166.582.482.592	1.102.315.449.464
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.12	1.166.582.482.592	1.102.315.449.464
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		679.099.600.000	679.099.600.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		679.099.600.000	679.099.600.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		71.821.151.584	71.821.151.584
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(160.500.000)	(160.500.000)
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		415.822.231.008	351.555.197.880
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		351.555.197.880	276.450.743.309
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		64.267.033.128	75.104.454.571
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		1.198.366.472.579	1.130.714.678.782



Nguyễn Thị Minh
Người lập
Ngày 20 tháng 10 năm 2025



Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng



Trần Lê Phương
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 3 năm 2025

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 3 năm 2025	Quý 3 năm 2024	Lũy kế 09 tháng năm 2025	Lũy kế 09 tháng năm 2024
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.797.459.504	8.427.683.893	20.707.622.314	23.168.510.558
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu					
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	VI.1	6.797.459.504	8.427.683.893	20.707.622.314	23.168.510.558
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	3.391.597.140	4.855.459.931	10.809.543.410	13.016.807.868
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		3.405.862.364	3.572.223.962	9.898.078.904	10.151.702.690
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	31.560.078.133	27.706.286.882	92.067.986.827	78.977.546.611
22	7. Chi phí tài chính			4.720.050	74.385.142	36.451.314
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay					
25	8. Chi phí bán hàng	VI.4	1.339.127.568	1.324.462.505	4.370.898.024	4.272.726.327
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	5.805.484.474	5.057.509.417	17.047.239.732	16.062.289.210
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}		27.821.328.455	24.891.818.872	80.473.542.833	68.757.782.450
31	11. Thu nhập khác	VI.6	45.888.059	25.885.719	79.683.083	71.006.752
32	12. Chi phí khác					
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		45.888.059	25.885.719	79.683.083	71.006.752

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

Quý 3 năm 2025

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 3 năm 2025	Quý 3 năm 2024	Lũy kế 09 tháng năm 2025	Lũy kế 09 tháng năm 2024
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		27.867.216.514	24.917.704.591	80.553.225.916	68.828.789.202
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.7	5.589.248.593	4.999.733.914	16.286.192.788	13.938.200.215
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại					
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)		22.277.967.921	19.917.970.677	64.267.033.128	54.890.588.987
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	VI.8	328	293	946	808
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)		328	293	946	808



Nguyễn Thị Minh
Người lập
Ngày 20 tháng 10 năm 2025

Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng

Trần Lê Phương
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	Lợi nhuận trước thuế		80.553.225.916	68.828.789.202
	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		752.539.185	759.319.182
03	Các khoản dự phòng			
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(92.065.361.119)	(78.975.056.128)
08	Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(10.759.596.018)	(9.386.947.744)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(793.234.907)	(573.952.013)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(572.182.227)	1.292.853.454
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		6.064.552.660	(486.454.883)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		69.623.745	91.810.971
15	- Thuế TNDN đã nộp		(18.965.984.779)	(17.280.108.117)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(24.956.821.526)	(26.342.798.332)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(89.500.000.000)	(254.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		51.500.000.000	167.000.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		76.100.051.863	114.787.391.742
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		38.100.051.863	27.787.391.742
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		13.143.230.337	1.444.593.410
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		2.798.764.488	1.878.162.904
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)		15.941.994.825	3.322.756.314



Nguyễn Thị Minh
Người lập
Ngày 20 tháng 10 năm 2025



Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng



Trần Lê Phương
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thông tin doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100109829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 27 tháng 4 năm 2016; thay đổi lần thứ 4 ngày 19 tháng 07 năm 2023.

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh sách và văn hóa phẩm, cho thuê văn phòng.

Công ty có trụ sở chính tại: Số 44, Phố Tràng Tiền, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30/09/2025 là: 54 người (ngày 30/09/2024: 54 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh

(Tiếp theo)

doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Công ty lập báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 09 năm 2025 theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty bao gồm sách, văn hóa phẩm, nguyên vật liệu ...

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo giá gốc.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời ...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

6. Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	26 - 39	năm
Các công trình kiến trúc khác	10 - 20	năm
Máy móc và thiết bị	5 - 19	năm
Phương tiện vận tải	5 - 12	năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 8	năm
Phần mềm máy tính	5	năm
Bản quyền	4 - 8	năm

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản.

Nhà cửa	26 – 39	năm
Máy móc, thiết bị	5 - 19	năm

Tài sản cố định hữu hình chuyển sang bất động sản đầu tư theo Thông tư số 147/2016/TT-BTC ban hành ngày 13/10/2016. Tỷ lệ phân bổ theo diện tích cho thuê trên tổng diện tích.

8. Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc.

9. Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong kỳ.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cụ thể như sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

(Tiếp theo)

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

13. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế và doanh thu có thể xác định được giá trị một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán sách và văn hóa phẩm

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu kinh doanh sách, văn hóa phẩm và lịch Bloc, doanh thu dịch vụ cho thuê nhà, doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng và cổ tức được chia.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê bất động sản

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức của Công ty với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

15. Thuế*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

(Tiếp theo)

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/09/2025	01/01/2025
Tiền mặt	33.149.012	75.102.632
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.408.845.813	2.723.661.856
Các khoản tương đương tiền	10.500.000.000	-
Tổng	15.941.994.825	2.798.764.488

2. Đầu tư tài chính

2.1 - Đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/09/2025		01/01/2025	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng	78.500.000.000	78.500.000.000	111.500.000.000	111.500.000.000
Tổng	78.500.000.000	78.500.000.000	111.500.000.000	111.500.000.000

2.2 - Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/09/2025	01/01/2025
Công ty cổ phần in Sách Việt Nam		
- Giá gốc khoản đầu tư	4.322.500.000	4.322.500.000
- Dự phòng	-	-
- Giá trị ghi sổ (*)	4.322.500.000	4.322.500.000
Tổng	4.322.500.000	4.322.500.000

(*) Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do cổ phiếu này chưa được niêm yết và giao dịch trên thị trường chứng khoán.

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

3.1 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng	30/09/2025	01/01/2025
Phải thu của khách hàng	2.356.971.407	1.674.702.150
Trong đó:		
- Công ty cổ phần in Sách Việt Nam	949.057.048	524.528.524
- Công ty Cổ phần Tập đoàn VNGROUP	690.000.000	-
Các đối tượng khác	717.914.359	1.150.173.626
Tổng	2.356.971.407	1.674.702.150

3.2 - Trả trước cho người bán ngắn hạn	30/09/2025	01/01/2025
Trả trước ngắn hạn cho người bán	47.921.905	6.856.255
Tổng	47.921.905	6.856.255

3.3 - Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Tổng	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000

(*) Đây là khoản cho một số doanh nghiệp vay, thời hạn cho vay dưới 1 năm với lãi suất 12%/năm.

3.4 - Phải thu ngắn hạn khác

	30/09/2025	01/01/2025
Tạm ứng cho nhân viên	69.900.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	63.280.701.442	2.713.857.943
<i>Trong đó phải thu ngắn hạn:</i>		
<i>Phải thu lãi cho vay</i>	<i>62.279.342.469</i>	<i>456.986.301</i>
<i>Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng</i>	<i>711.640.072</i>	<i>1.625.027.741</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>289.718.901</i>	<i>631.843.901</i>
Tổng	63.350.601.442	2.713.857.943

4. Hàng tồn kho

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Hàng hóa	11.887.567.234	9.901.074.730	11.315.385.007	9.328.892.503
Tổng	11.887.567.234	9.901.074.730	11.315.385.007	9.328.892.503

5. Phải thu về cho vay dài hạn

5.1 - Phải thu về cho vay dài hạn

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu về cho vay dài hạn (*)	1.008.000.000.000	1.008.000.000.000	927.000.000.000	927.000.000.000
Tổng	1.008.000.000.000	1.008.000.000.000	927.000.000.000	927.000.000.000

(*) Đây là khoản cho một số doanh nghiệp vay, thời hạn cho vay >1 năm với lãi suất 12%/năm.

5.2 - Phải thu dài hạn khác

	30/09/2025	01/01/2025
Ký quỹ, đặt cọc dài hạn khác	135.000.000	135.000.000
Phải thu lãi cho vay dài hạn	-	44.601.534.243
Tổng	135.000.000	44.736.534.243

6. Tài sản cố định**6.1 - Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	14.232.330.283	913.524.181	3.090.215.082	18.236.069.546
Số cuối kỳ	14.232.330.283	913.524.181	3.090.215.082	18.236.069.546
Giá trị hao mòn				-
Số đầu kỳ	10.984.835.181	913.524.181	3.090.215.082	14.988.574.444
KH trong kỳ	239.569.308			239.569.308
Số cuối kỳ	11.224.404.489	913.524.181	3.090.215.082	15.228.143.752
Giá trị còn lại				-
Số đầu kỳ	3.247.495.102	-	-	3.247.495.102
Số cuối kỳ	3.007.925.794	-	-	3.007.925.794

6.2 – Tài sản cố định vô hình**Nguyên giá****Phần mềm máy tính**

Số đầu kỳ

231.467.000

Số cuối kỳ

231.467.000

Giá trị hao mòn trong kỳ

Số đầu kỳ

231.467.000

Số cuối kỳ

231.467.000

Giá trị còn lại**7. Bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Nhà cửa	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	30.132.659.562	-	3.321.262.879	33.453.922.441
Số cuối kỳ	30.132.659.562	-	3.321.262.879	33.453.922.441
Giá trị hao mòn				
Số đầu kỳ	23.179.067.885	-	3.321.262.879	26.500.330.764
KH trong kỳ	512.969.877	-	-	512.969.877
Số cuối kỳ	23.692.037.762	-	3.321.262.879	27.013.300.641
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	6.953.591.677	-	-	6.953.591.677
Số cuối kỳ	6.440.621.800	-	-	6.440.621.800

8. Tài sản dở dang dài hạn

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Giải phóng mặt bằng	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Tổng	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000

9. Tài sản dài hạn khác

	30/09/2025	01/01/2025
Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	142.215.061	121.450.276
Chi phí sửa chữa	210.328.183	298.461.044
Chi phí trả trước dài hạn khác	9.317.432	11.573.101
Tổng	361.860.676	431.484.421

10. Nợ ngắn hạn

10.1 – Phải trả người bán ngắn hạn	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	4.589.913.778	4.589.913.778	5.795.977.970	5.795.977.970
Trong đó				
Cambridge University Press	202.204.925	202.204.925	624.300.945	624.300.945
Các đối tượng khác	4.387.708.853	4.387.708.853	5.171.677.025	5.171.677.025
Tổng	4.589.913.778	4.589.913.778	5.795.977.970	5.795.977.970

10.2 - Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/09/2025	01/01/2025
Người mua trả tiền trước	26.943.365	39.535.725
Tổng	26.943.365	39.535.725

10.3 – Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước trong kỳ như sau

	30/09/2025	Số phải nộp	Số đã nộp	01/01/2025
Thuế TNDN	16.285.457.988	16.286.192.788	18.965.984.779	18.965.249.979
Thuế thu nhập cá nhân	36.365.007	193.986.651	204.468.484	46.846.840
Thuế GTGT phải nộp	538.653.017	902.610.351	645.307.584	281.350.250
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế GTGT hàng NK	-	16.424.491	16.424.491	-
Thuế, phí khác	-	1.101.255.973	1.102.291.165	1.035.192
Tổng	16.860.476.012	18.503.470.254	20.937.476.503	19.294.482.261

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 44 Tràng Tiền, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

B09-DN

10.4 - Chi phí phải trả ngắn hạn	30/09/2025	01/01/2025
Chi phí trích trước	18.333.333	289.333.334
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	7.766.589.939	-
Tổng	7.784.923.272	289.333.334

10.5 - Doanh thu chưa thực hiện	30/09/2025	01/01/2025
Doanh thu hoãn lại, chưa thực hiện	1.347.149.924	1.104.028.618
Tổng	1.347.149.924	1.104.028.618

10.6 - Phải trả ngắn hạn khác	30/09/2025	01/01/2025
Kinh phí công đoàn	64.423.636	-
Phải trả khác	7.560.000	8.550.000
Đặt cọc ngắn hạn	305.600.000	497.600.000
Tổng	377.583.636	506.150.000

11. Nợ dài hạn

Phải trả dài hạn khác	30/09/2025	01/01/2025
Đặt cọc thuê văn phòng, quầy hàng	797.000.000	600.000.000
Tổng	797.000.000	600.000.000

12. Vốn chủ sở hữu*a - Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu kỳ	679.099.600.000	71.821.151.584	(160.500.000)	351.555.197.880	1.102.315.449.464
Lãi/ lỗ trong năm nay	-	-	-	64.267.033.128	64.267.033.128
Số dư cuối kỳ	679.099.600.000	71.821.151.584	(160.500.000)	415.822.231.008	1.166.582.482.592

b - Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/09/2025	01/01/2025
Cổ đông nhà nước - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	67.909.960.000	67.909.960.000
Tập đoàn Vingroup - Công ty cổ phần	443.642.740.000	443.642.740.000
Cổ đông khác	167.546.900.000	167.546.900.000
	679.099.600.000	679.099.600.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý III/ 2025	Quý III/ 2024
Doanh thu bán hàng sách và văn hóa phẩm	3.826.879.510	4.739.049.698
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.970.579.994	3.688.634.195
Tổng	6.797.459.504	8.427.683.893
2. Giá vốn hàng bán	Quý III/ 2025	Quý III/ 2024
Giá vốn của hàng bán sách và văn hóa phẩm	2.707.840.846	3.346.541.671
Giá vốn của cung cấp dịch vụ	683.756.294	1.508.918.260
	3.391.597.140	4.855.459.931
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Quý III/ 2025	Quý III/ 2024
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	2.490.483
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.071.530.189	1.063.138.867
Lãi cho vay	30.488.547.944	26.640.657.532
Tổng	31.560.078.133	27.706.286.882
4. Chi phí bán hàng	Quý III/ 2025	Quý III/ 2024
Chi phí nhân viên	1.268.654.919	1.232.491.485
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	8.394.951	9.234.512
Chi phí bảo hành	1.618.050	6.974.750
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.017.398	58.046.373
Chi phí bằng tiền khác	8.442.250	17.715.385
Tổng	1.339.127.568	1.324.462.505
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý III/ 2025	Quý III/ 2024
Chi phí nhân viên quản lý	1.003.574.339	961.429.566
Chi phí đồ dùng văn phòng	56.786.850	54.732.154
Chi phí khấu hao TSCĐ	79.856.436	82.116.435
Thuế, phí và lệ phí	196.889.248	196.476.224
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.397.793.405	3.699.505.444
Chi phí bằng tiền khác	70.584.196	63.249.594
Tổng	5.805.484.474	5.057.509.417

6. Thu nhập khác	Quý III/ 2025	Quý III/ 2024
Thu nhập khác	45.888.059	25.885.719
Tổng	45.888.059	25.885.719

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	Quý III/ 2025	Quý III/ 2024
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.589.248.593	4.999.733.914
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.589.248.593	4.999.733.914

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ

	Quý III/ 2025	Quý III/ 2024
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	22.277.967.921	19.917.970.677
<i>Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu cổ phiếu phổ thông</i>		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	22.277.967.921	19.917.970.677
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	67.909.960	67.909.960
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	328	293

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nghiệp vụ với các bên liên quan**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho giai đoạn tài chính 09 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính 09 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Doanh thu cho thuê nhà	1.506.286.188	2.259.429.282
		Tiền thuê đã thu	1.149.057.048	1.826.889.620
		Chi phí in sách	392.000.000	144.400.000
		Tiền in sách đã trả	423.360.000	155.952.000
Công ty Cổ phần Vinschool	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán sách	256.925.654	328.051.946
		Tiền đã thu	283.111.250	223.747.870
CN HCM - Công ty Cổ phần Vinschool	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán sách	6.439.286	125.902.694
		Tiền đã thu	6.761.250	107.617.780
CN Hải Phòng - Công ty Cổ phần Vinschool	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán sách	144.155.265	92.471.642
		Tiền đã thu	151.398.050	97.039.875
Công ty Cổ phần Giải pháp công nghệ thông tin và hạ tầng truyền dẫn Vinitis	Công ty cùng Tập đoàn	Chi phí vận hành hóa đơn điện tử	1.360.000	2.112.000

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan theo mức giá thỏa thuận theo đàm phán hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả thương mại với các bên liên quan tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2025 không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 09 năm 2025	Ngày 01 tháng 01 năm 2025
Phải thu khách hàng				
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu tiền cho thuê nhà	949.057.048	524.528.524
Công ty Cổ phần Vinschool	Công ty cùng Tập đoàn	Phải thu tiền bán sách	-	14.201.250
			949.057.048	538.729.774

Phải thu ngắn hạn khác

Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu khác	289.718.901	631.843.901
			289.718.901	631.843.901

2. Các cam kết và các khoản nợ tiềm tàng**Rủi ro liên quan đến các hợp đồng thuê đất của Công ty**

Công ty hiện đang sử dụng các lô đất và tài sản trên đất tại 22A và 22B Hai Bà Trưng, 50A Hàng Bài (đều ở thành phố Hà Nội) làm cơ sở để kinh doanh và để cho thuê văn phòng. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, các hợp đồng thuê nhà và hợp đồng thuê đất nêu trên đã hết hạn, và Công ty đang thực hiện việc gia hạn các hợp đồng với các cơ quan quản lý Nhà nước.

Ngoài ra, Công ty cũng được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao hai khu đất tại huyện Đông Anh và phố Chùa Hà, Thành phố Hà Nội. Theo chủ trương cổ phần hóa của Nhà nước, Công ty tiếp tục sử dụng hai khu đất này cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty vẫn chưa ký hợp đồng thuê đất với cơ quan quản lý Nhà nước cho hai khu đất này.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Nguyễn Thị Minh
Người lập
Ngày 20 tháng 10 năm 2025



Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng



Trần Lê Phương
Tổng Giám đốc